TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2017
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180A/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1974; (Có mặt tại phiên tòa)

HKTT: 118A, khóm B 2, thị trấn V, V, Đồng Tháp.

Tạm trú: 37/1 đường T, phường 4, Thành phố L, tỉnh L.

2. Bị đơn: Trần Văn Tr, sinh năm 1966; (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 118A, khóm B 2, thị trấn V, V, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Chị T và anh Tr tự nguyện sống với nhau như vợ chồng vào khoảng đầu năm 1993, không đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Tr không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn chửi mắn chị T, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T sống và cũng nhiều lần

quay về sống đoàn tụ với anh Tr, nhưng anh Tr không sửa đổi bản tính. Nên đến tháng 5/2017 thì chị T đã thật sự ly thân với anh Tr đến nay. Quá trình sống chung không tài sản chung, không nợ chung.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Tr;

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Tr có 02 con chung tên Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01/02/1994 đã có chồng và Trần Văn C, sinh ngày 10/01/1999 hiện đang sống với chị T. Cả hai con đều đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu giải quyết;

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 10 năm 2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn Tr trình bày: Anh Tr và chị T tự nguyện sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 1993, nhưng không tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn tại thị trấn V vào năm 1997, hôn nhân sống đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên uống rượu và la rầy chị T, đồng thời gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên anh Tr và chị T không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị T thường xuyên bỏ về cha mẹ ruột sống và quay lại sống đoàn tụ với anh Tr. Đến khoảng tháng 5/2017 anh Tr có chữi mắn chị T sau đó chị T bỏ nhà đi và sống ly thân đến nay.

Quá trình sống chung anh Tr và chị T không có nợ chung và tài sản chung, có 02 con chung tên Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01/02/1994 đã có chồng và Trần Văn C, sinh ngày 10/01/1999 hiện đang sống với chị T.

Nay anh Tr không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì về con chung: Hai con đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị Thùy T xin ly hôn với anh Trần Văn Tr là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh Tr thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Trần Văn Tr có địa chỉ cư trú: Số 118A, khóm B 2, thị trấn V, huyện V, Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 không đăng ký kết hôn, anh Tr trình bày là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V vào năm 1997 nhưng tại Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn V đã xác nhận chị T và anh Tr chưa đến Ủy ban nhân dân thị trấn V đăng ký kết hôn và anh Tr cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử xác định việc sống chung như vợ chồng giữa chị Tranh và anh Tr nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật, việc không có đăng ký kết hôn giữa chị T và anh Tr là không tuân thủ quy định tại Điều 8,9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Xét hôn nhân giữa chị T và anh Tr là do anh, chị tư nguyện sống với nhau như vợ chồng, anh chị đã đủ các điều kiện kết hôn theo luật định, nhưng anh, chị không tiến hành đăng ký và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Từ điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T và yêu cầu đoàn tụ của anh Tr, là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do đó đường lối xét xử là không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Tr là quan hệ vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Tr thống nhất 02 con chung của anh chị tên Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01/02/1994 đã có chồng và Trần Văn C, sinh ngày 10/01/1999 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị T và anh Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh Tr không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thùy T với anh Trần Văn Tr là quan hệ vợ chồng.

2. Về chia tài sản: Chị T và anh Tr không yêu cầu giải quyết.

3. Về nợ chung: Chị T và anh Tr không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16607, ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

5. Án xử có mặt các bên đương sự, báo cho các bên đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Quan Nam